

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Quản lý công trình đô thị

Mã ngành, nghề: 5340427

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Những người đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm với 4 học kỳ chính.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Ngành Quản lý công trình Đô thị là ngành học hướng đến chức năng đào tạo đội ngũ nhân lực có năng lực và trình độ thực thi công vụ và nghiệp vụ có tính chuyên nghiệp, bao gồm năng lực tư duy và năng lực triển khai công việc về quản lý công trình đô thị.

Kỹ thuật viên quản lý công trình đô thị được đào tạo sẽ đảm nhận được vai trò của lĩnh vực quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc. Vì vậy, ngành quản lý đô thị được xây dựng và đào tạo nhằm đáp ứng cho nhu cầu thực tiễn của xã hội, nhất là thực tiễn của thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh phát triển đô thị hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Kiến thức

- Kỹ thuật viên Quản lý công trình đô thị có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức nghề nghiệp tốt.
- Kỹ thuật viên Quản lý công trình đô thị được trang bị các kiến thức và kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm, điều phối và quản lý thời gian. Viết báo cáo, đánh giá tổng hợp, có kiến thức lập luận và biện luận, đồng thời có kỹ năng thuyết minh, thuyết trình.
- Sử dụng các công cụ, phần mềm hỗ trợ trong nghiên cứu, quản lý đô thị.
- Đánh giá ảnh hưởng của các dự án và hoạt động kinh tế - xã hội có tác động đến đô thị, từ đó đề xuất các công cụ, biện pháp, chính sách cho công tác quản lý công trình đô thị.
- Hiểu và rèn luyện phương pháp, kiến thức của người làm quản lý công trình đô thị.
- Biết cách đặt vấn đề và triển khai giải quyết các tình huống thực tiễn trong đời sống đô thị.
- Áp dụng và thực hành các kiến thức vào công việc thực tiễn quản lý công trình đô thị.

- Cử nhân ngành quản lý công trình Đô thị được trang bị có hệ thống các khối kiến thức sau:
 - + Kiến thức tổng quát: những kiến thức cốt lõi về khoa học quản lý đô thị và khoa học xã hội - nhân văn;
 - + Kiến thức cơ bản: trang bị kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội, kiến trúc, môi trường... làm nền tảng cho ngành học;
 - + Kiến thức chuyên ngành: trang bị kiến thức chuyên ngành gắn liền lý thuyết với thực tiễn về quản lý đô thị và quản lý dự án;
 - + Kiến thức bổ trợ: tin học ứng dụng.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ thuật viên ngành Quản lý công trình Đô thị được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa với các kỹ năng thực hành để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Những kỹ năng đó bao gồm:

1.2.2.1 Kỹ năng cứng

- Đọc và hiểu thuật ngữ chuyên ngành;
- Có kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin;
- Có khả năng làm việc độc lập, biết thiết kế và tổ chức triển khai dự án vừa và nhỏ.
- Có khả năng xây dựng kế hoạch điều tra, đánh giá hiện trạng và xây dựng đề xuất phương án quản lý đô thị.
- Có khả năng xây dựng được các chương trình quản lý, tham mưu cho các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân.
- Có khả năng xây dựng, đánh giá và thẩm định dự án ở các cấp độ khác nhau.
- Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước tại các cơ quan, ban ngành về quản lý đô thị...

1.2.2.2 Kỹ năng mềm

- Tổ chức hoạt động nhóm và tham gia phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên về quản lý đô thị.
- Có kỹ năng lập các báo cáo đánh giá và thuyết trình trước tập thể.
- Có kỹ năng giao tiếp, tuyên truyền, thuyết phục cá nhân và cộng đồng trong các chương trình về quản lý đô thị.
- Có kỹ năng thương thuyết và đàm phán.
- Có năng lực làm việc theo nhóm và huy động nguồn lực cho dự án;

1.2.3. Thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp.
- Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp và sẵn sàng nhận nhiệm vụ.
- Áp dụng được những kiến thức đã học để phân tích và kiến nghị biện pháp xử lý các vi phạm pháp luật về đất đai.

- Thực hiện được việc đo góc, đo chiều dài, đo chênh cao; lập lưới khống chế mặt bằng, độ cao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Kỹ thuật viên ngành Quản lý công trình Đô thị có thể làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức nhân dân, các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và nước ngoài; các tổ chức phát triển quốc tế; các tổ chức phi chính phủ quốc tế và địa phương với các công việc cụ thể sau:

- Tư vấn;
- Điều phối;
- Quy hoạch về kinh tế - xã hội;
- Thiết kế và xây dựng chính sách liên quan đến đô thị;
- Xây dựng, thẩm định và đánh giá dự án;

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 31
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2010 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 540 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1650 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 672 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1266 giờ
- Thời gian khóa học: 2 năm với 4 học kỳ chính.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MD/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	19	360	126	217	17
1	Giáo dục chính trị	2	30	4	24	2
2	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	Tin học	2	45	15	29	1
4	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
5	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
6	Môi trường và con người	3	60	28	30	2

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
7	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
8	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	45	21	21	3
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	70	1650	546	1049	55
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	26	510	239	251	20
9	Hình họa và vẽ kỹ thuật	4	90	30	56	4
10	Cơ học lý thuyết	3	60	28	30	2
11	Thiết kế 2D bằng Autocad	3	60	28	30	2
12	Cơ học kết cấu	4	90	30	56	4
13	Trắc địa	3	60	28	30	2
14	Lịch sử kiến trúc thế giới	3	45	35	8	2
15	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	3	45	35	8	2
16	Quy hoạch đô thị	3	60	30	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	29	540	279	239	22
17	Cấp thoát nước	3	45	30	13	2
18	Cấu tạo kiến trúc	3	60	28	30	2
19	An toàn lao động	2	30	20	8	2
20	Kết cấu bê tông cốt thép	4	90	30	56	4
21	Kiến trúc nhập môn	3	45	35	8	2
22	Quản lý dự án xây dựng	2	45	13	30	2
23	Quy hoạch sử dụng đất đai	3	60	28	30	2
24	Kỹ thuật hạ tầng đô thị	3	45	35	8	2
25	Luật nhà ở và Luật xây dựng	3	60	28	30	2
26	Hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính	3	60	28	30	2
II.3	Thực tập nghề nghiệp	10	375	28	339	8

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
27	Thực tập trắc địa	2	90		88	2
28	Thực tập trắc địa địa chính	3	135		133	2
29	Thiết kế kiến trúc	2	60	28	30	2
30	Thực tập quy hoạch sử dụng đất đai	3	90		88	2
II.4	Tốt nghiệp	5	225		220	5
31	Thực tập tốt nghiệp	5	225		220	5
Tổng cộng		89	2010	672	1266	72

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo 2 năm với 4 học kỳ chính. Thời gian của các hoạt động trong năm học được tính theo tuần. Thời gian giảng dạy lý thuyết và thực hành các học phần được tính theo tiết.

- Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

- Thực tập tốt nghiệp được tổ chức vào cuối học kỳ 4 năm thứ 2 sau khi học sinh đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần quy định. Cơ sở, địa bàn cho học sinh đi thực tế ngành phải phù hợp với từng ngành/chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu chuyên ngành đào tạo.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Tất cả các học phần đều được tổ chức thi kết thúc học phần tương ứng với kế hoạch môn học.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.4. Các chú ý khác (nếu có):

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN NAM
HIỆU TRƯỞNG**